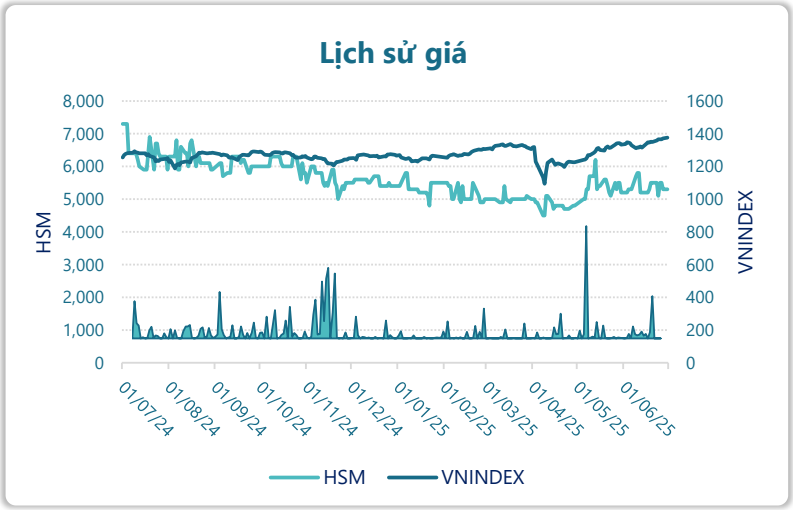
FireAnt

Tổng CTCP Dệt May Hà Nội (UPCOM: HSM)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
SL cổ phiếu LH	20,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,810
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	109
P/E	16.6
EPS	319

DT thuần

Q2/25

275

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0| -5.4%

YoY: ▲ 8.00| 3.1%

LN sau thuế

Q2/25

-2.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.64| -126%

YoY: ▲ 36.9| 94.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.4%

+/- YoY: ▲ 11.8%

DT thuần

6T 2025

566

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.0| 8.1%

LN sau thuế

6T 2025

5.62

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 89.0| 107%

ROE

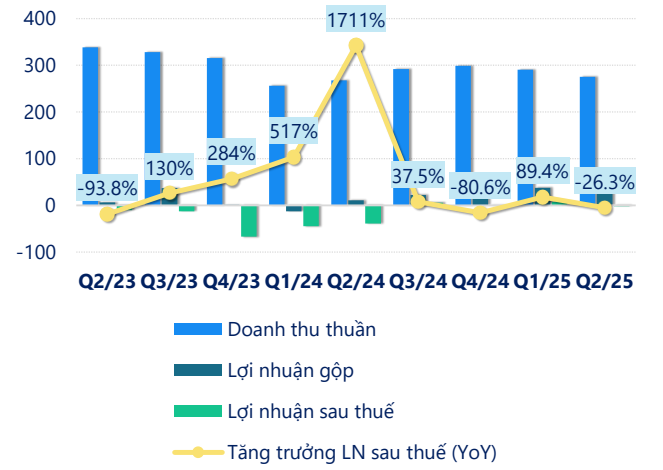
Q2/25

1.7%

+/- YoY: ▲ 35.3%

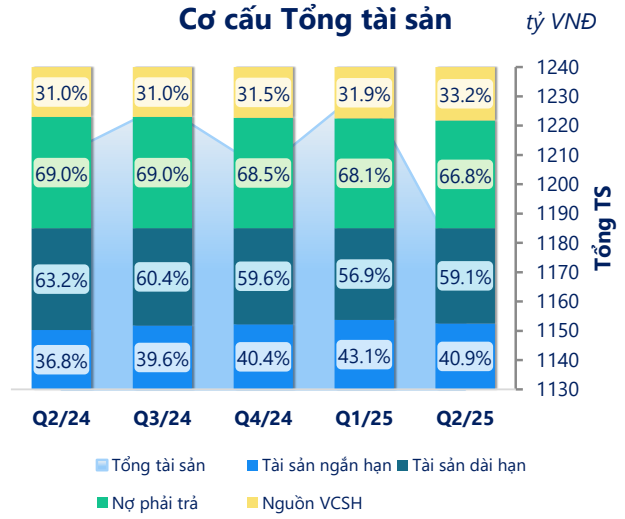
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



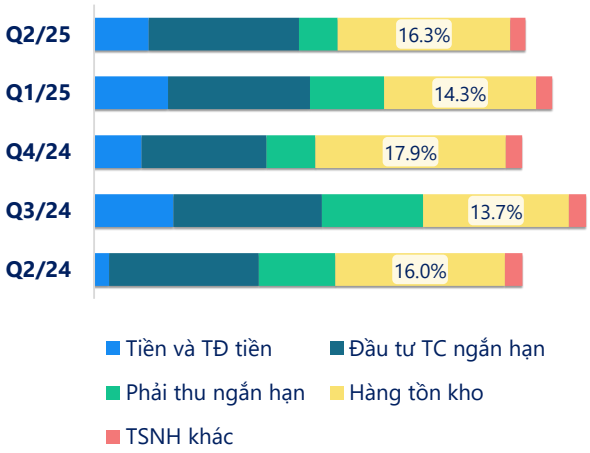
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



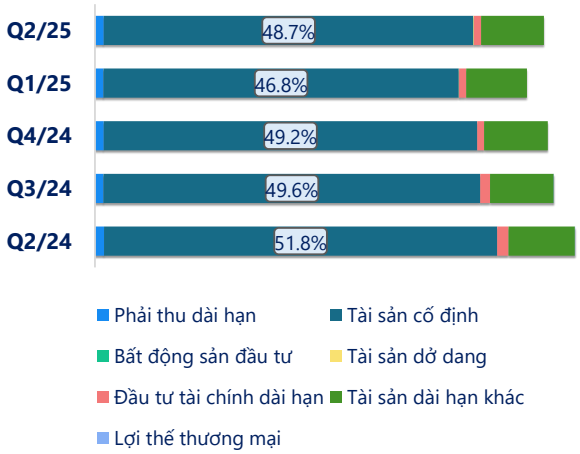
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



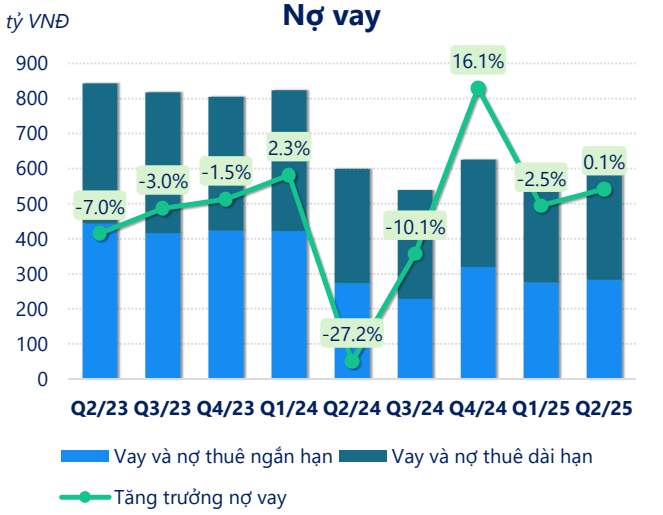
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



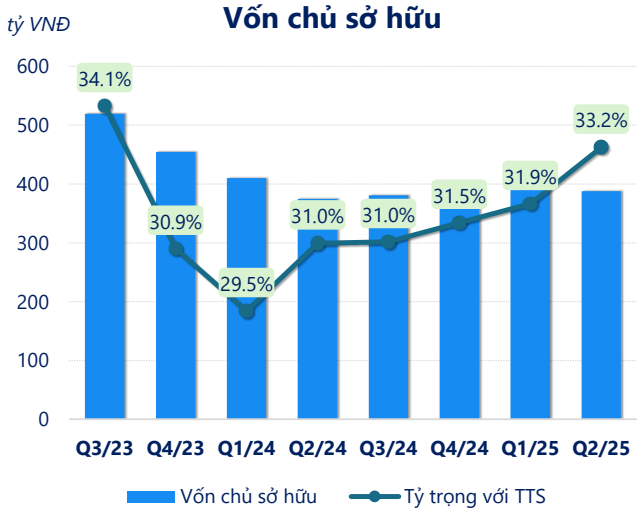
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



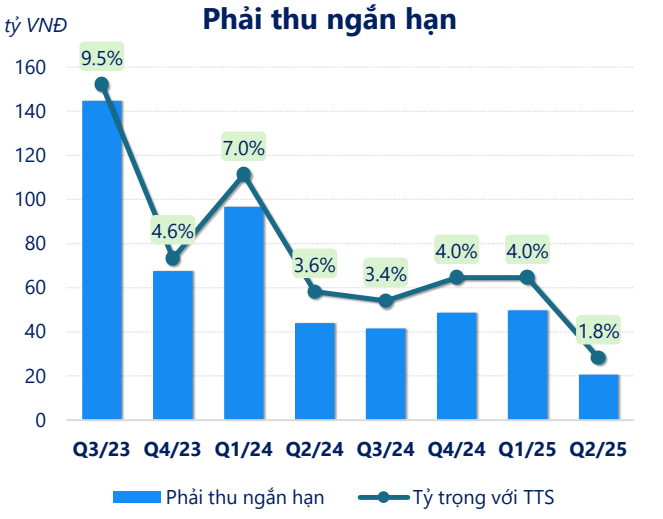
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



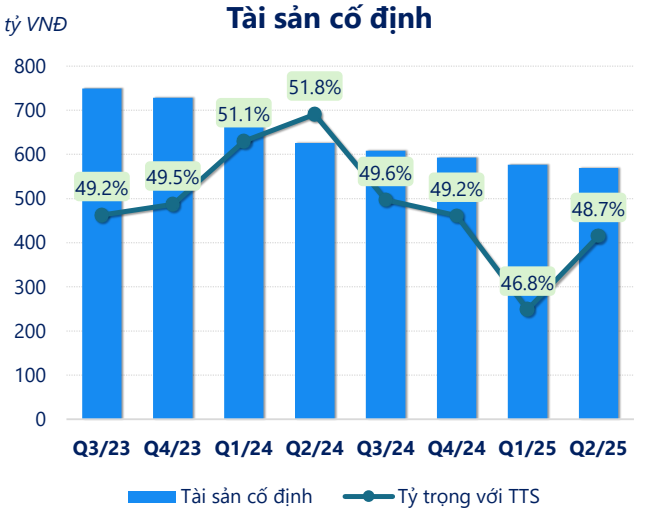
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



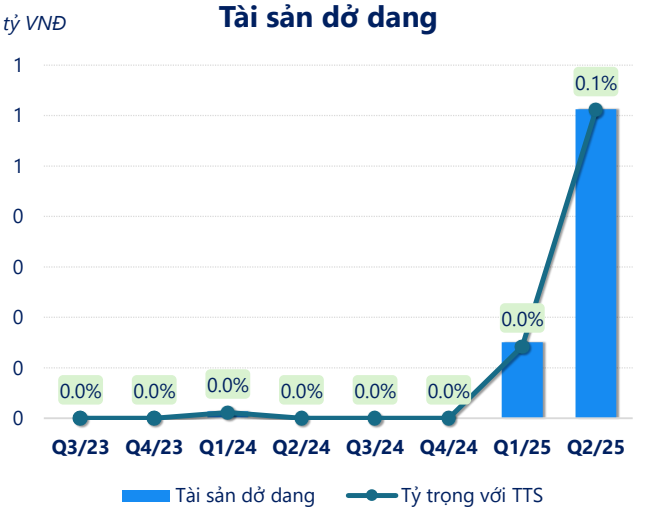
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



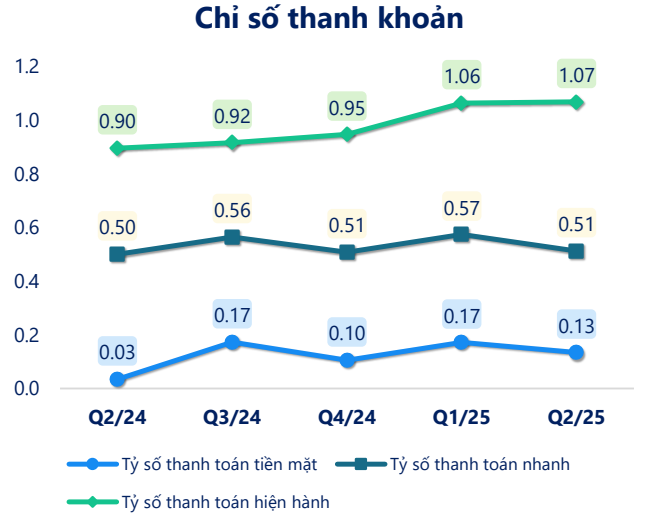
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



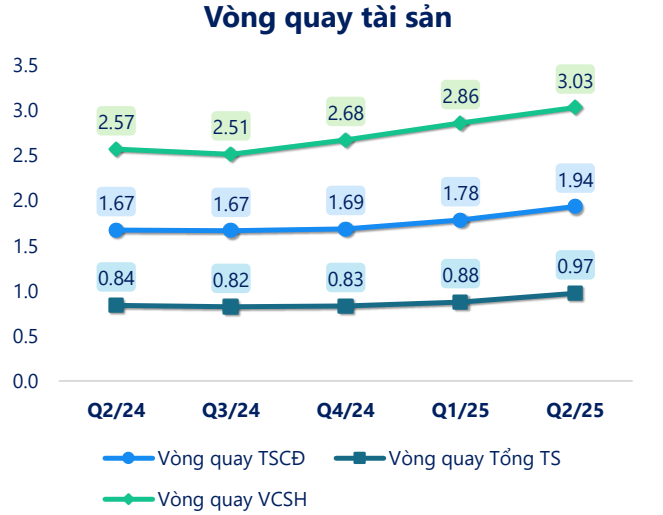
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,210**	**1,227**	**1,205**	**1,233**	**1,170**
Tài sản ngắn hạn	**445**	**486**	**487**	**532**	**478**
Tiền và tương đương tiền	17.1	91.6	53.9	85.8	60.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	171	151	145	135	134
Phải thu ngắn hạn	44.0	41.5	48.6	49.7	20.5
Hàng tồn kho	197	186	225	245	249
Tài sản ngắn hạn khác	17.0	15.7	13.3	16.0	14.9
Tài sản dài hạn	**764**	**741**	**718**	**701**	**691**
Phải thu dài hạn	14.3	14.0	13.8	13.7	13.5
Tài sản cố định	626	608	593	577	569
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.15	0.61
Đầu tư tài chính dài hạn	17.9	15.5	10.6	11.8	11.3
Tài sản dài hạn khác	106	103	101	98.7	96.4
Lợi thế thương mại	0.09	0.04	0	0	0
Nợ phải trả	**835**	**846**	**826**	**840**	**782**
Nợ ngắn hạn	**497**	**531**	**514**	**500**	**448**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	273	229	319	275	282
Phải trả người bán ngắn hạn	155	227	129	175	113
Nợ dài hạn	337	316	312	340	334
Vay và nợ thuê dài hạn	327	310	306	334	328
Nguồn vốn chủ sở hữu	**375**	**381**	**379**	**393**	**388**
Vốn chủ sở hữu	**375**	**381**	**379**	**393**	**388**
Vốn điều lệ	205	205	205	205	205
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)